nhquang&associates

BẢN TIN **PHÁP LUẬT**

Số 19/2015

TIN TIÊU ĐIỂM:

Xây dựng

Công trình xây dựng phải bảo hành tối thiểu 12 tháng

Ngày 12/05/2015, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 46/2015/NĐ-CP về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng, quy định nhà thầu thi công xây dựng, nhà thầu cung ứng thiết bị phải chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư về việc bảo hành đối với phần công việc do mình thực hiện

Đối với hạng mục công trình, công trình xây dựng cấp đặc biệt và cấp I, thời gian bảo hành tối thiểu là 24 tháng từ khi nghiệm thu và tối thiểu là 12 tháng đối với các công trình, hạng mục công trình cấp còn lại. Riêng đối với nhà ở, thời gian bảo hành thực hiện theo quy định của pháp luật về nhà ở, cụ thể, không ít hơn 60 tháng với nhà chung cư từ 09 tầng trở lên và các loại nhà ở khác được đầu tư xây dựng bằng ngân sách Nhà nước; không ít hơn 36 tháng đối với chung cư từ 04 - 08 tầng và tối thiểu 24 tháng với nhà ở còn lại.

Ngoài ra, Nghị định cũng có quy định chi tiết về mức tiền bảo hành tối thiểu với công trình sử dụng vốn Nhà nước. Theo đó, với công trình xây dựng cấp đặc biệt và cấp I, mức tiền bảo hành tối thiểu bằng 3% giá trị hợp đồng; với công trình xây dựng cấp còn lại, mức tiền bảo hành ít nhất bằng 5% giá trị hợp đồng. Đối với các công trình sử dụng vốn khác, có thể tham khảo các mức bảo hành tối thiểu nêu trên để áp dụng.

Cũng theo Nghị định này, chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng công trình xây dựng phải kiểm tra công trình thường xuyên, định kỳ và đột xuất nhằm phát hiện kịp thời các dấu hiệu xuống cấp, những hư hỏng của công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình làm cơ sở cho việc bảo dưỡng công trình; việc bảo dưỡng công trình phải được thực hiện theo kế hoạch bảo trì hàng năm và quy trình bảo trì công trình xây dựng đã được phê duyệt...

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2015.

Xuất nhập khẩu

Doanh nghiệp đạt kim ngạch xuất nhập khẩu từ 100 triệu USD/năm được ưu tiên về hải quan

Theo Thông tư số 72/2015/TT-BTC ngày 12/05/2015 của Bộ Tài chính quy định về việc áp dụng chế độ ưu tiên trong việc thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp (DN), DN được hưởng chế độ ưu tiên hải quan nếu đáp ứng các điều kiện về kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu; điều kiện tuân thủ pháp luật về hải quan, thuế; hệ thống kiểm soát nội bộ và điều kiện về thủ tục hải quan điện tử, thủ tục thuế điện tử...

Cụ thể, kim ngạch xuất nhập khẩu bình quân 02 năm liên tục của DN phải từ 100 triệu USD/năm trở lên; cũng trong 02 năm liên tục, DN không được có các hành vi trốn thuế, gian lận thuế, buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới, không nợ thuế quá hạn; thực hiện thủ tục hải quan điện tử, thủ tục thuế điện tử và có chương trình công nghệ thông tin quản lý hoạt động xuất, nhập khẩu, đảm bảo yêu cầu kiểm tra của cơ quan hải quan...

DN ưu tiên sẽ được miễn kiểm tra chứng từ liên quan thuộc hồ sơ hải quan, miễn kiểm tra thực tế hàng hóa trong quá trình thực hiện thủ tục hải quan, trừ trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc kiểm tra ngẫu nhiên để đánh giá sự tuân thủ pháp luật; được làm thủ tục hải quan bằng tờ khai chưa hoàn chỉnh trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan của cơ quan hải quan; được ưu tiên thứ tự làm thủ tục hải quan. Đặc biệt, DN còn được ưu tiên khi thực hiện các thủ tục về thuế đối với hàng hóa xuất, nhập khẩu và được ưu tiên miễn kiểm tra sau thông quan tại trụ sở cơ sở hải quan, trừ trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật...

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19 tháng 6 năm 2015.

Lao động

Doanh nghiệp cho thuê lại lao động phải có vốn pháp định 02 tỷ đồng

Đây là một trong những điều kiện đối với doanh nghiệp (DN) xin cấp Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động quy định tại Quyết định số 629/QĐ-LĐTBXH do Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành ngày 14/05/2015 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội

Ngoài việc phải bảo đảm vốn pháp định theo quy định là 02 tỷ đồng, duy trì mức vốn điều lệ không thấp hơn mức vốn pháp định trong suốt quá trình hoạt động, DN được cấp Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động còn phải thực hiện ký quỹ 02 tỷ đồng; có địa điểm đặt trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện ổn định, có thời hạn ít nhất từ 02 năm trở lên; người đứng đầu DN phải có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, lý lịch rõ ràng, có kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực cho thuê lại lao động từ 03 năm trở lên; trong 03 năm liền kề trước khi đề nghị cấp cho thuê lại lao động, không đứng đầu DN đã bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký DN hoặc không tái phạm hành vi giả mạo hồ sơ xin cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký DN...

Đối với DN nước ngoài liên doanh với DN trong nước, Bộ trưởng quy định để được cấp Giấy chứng nhận hoạt động cho thuê lại lao động, DN phải chuyên kinh doanh cho thuê lại lao động, có vốn và tổng giá trị tài sản từ 10 tỷ đồng trở lên; đã có kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực cho thuê lại lao động từ 05 năm trở lên; có Giấy chứng nhận DN và người đại diện phần vốn góp của DN chưa có hành vi vi phạm pháp luật của cơ quan có thẩm quyền.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

NHẬN ĐỊNH VỀ CHÍNH SÁCH VÀ PHÁP LUẬT:

Thông thường, khi một bên không thực hiện nghĩa vụ đã giao kết trong hợp đồng, bên bị vi phạm sẽ áp dụng những chế tài theo quy định của pháp luật đối với bên vi phạm nghĩa vụ để đảm bảo quyền lợi cho mình. Một trong những chế tài mà bên vị vi phạm thường áp dụng đó là đình chỉ, huỷ bỏ thực hiện hợp đồng và yêu cầu bồi thường thiệt hại. Tuy nhiên, vấn đề đặt ra là: trước khi đến thời hạn ấn định phải thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, một bên có căn cứ xác đáng để cho rằng phía bên kia sẽ không thực hiện nghĩa vụ của mình khi đến thời hạn, bên đó sẽ có những quyền gì? Trong số này, NHQuang&Associates xin gửi tới Quý vị bài viết liên quan đến Vi phạm hợp đồng khi chưa đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ.

Hợp đồng là sự thoả thuận giữa các bên làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền và nghĩa vụ nhằm đạt được những lợi ích hợp pháp mà họ mong muốn đạt được khi xác lập. Trong giai đoạn giao kết hợp đồng, mỗi bên đều muốn đạt được những lợi ích mong đợi thông qua việc thực hiện hợp đồng của các bên. Thế nhưng, vì những lý do khác nhau mà có thể dẫn đến việc một trong các bên không thể thực hiện đúng hợp đồng như đã cam kết. Do đó, trong thực tiễn lưu thông dân sự và hoạt động kinh doanh thương mại, vi phạm hợp đồng là điều không thể tránh khỏi.

Theo lý thuyết truyền thống thì sự vi phạm nghĩa vụ hợp đồng được xác định khi hết thời hạn thực hiện nghĩa vụ được thoả thuận trong hợp đồng nhưng một bên không thực hiện nghĩa vụ của mình. Tuy nhiên, trên thực tế có thể xảy ra trường hợp sau khi ký kết hợp đồng và trước khi đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ được quy định tại hợp đồng, một bên có căn cứ xác đáng để cho rằng phía bên kia sẽ không thực hiện nghĩa vụ của mình khi đến hạn. Ví dụ, người mua phát hiện ra rằng nguồn cung hàng thường xuyên của người bán đã bị cắt và lo lắng về khả năng cung cấp hàng của người bán theo hợp đồng đã giao kết. Một ví dụ khác, người bán phát hiện ra rằng bên mua không còn đảm bảo khả năng tài chính để thực hiện nghĩa vụ thanh toán hoặc người mua đã không ký được hợp đồng với chính đối tác của anh ta để tiêu thụ nguồn hàng mà người bán chuẩn bị chuyển giao.

Trong khoa học pháp lý, những trường hợp như trên được gọi là vi phạm hợp đồng trước hạn. Nói một cách khái quát hơn, vi phạm hợp đồng khi chưa đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ được hiểu như sau: Trước khi đến thời hạn ấn định thực hiện nghĩa vụ, một bên biết được rằng phía bên kia sẽ không thực hiện nghĩa vụ hoặc có cơ sở xác đáng để cho rằng nghĩa vụ không thể thực hiện thì có thể áp dụng các chế tài mà thông thường chỉ được sử dụng trong những trường hợp nghĩa vụ không được thực hiện trên thực tế.

Trong những trường hợp như trên, bên có nguy cơ bị vi phạm hợp đồng sẽ có quyền gì? Tham chiếu đến các quy định pháp luật Việt Nam hiện hành, đối với những trường hợp này, bên có nguy cơ bị vi phạm không thể áp dụng các quy định pháp luật về tạm ngừng, đình chỉ, hay huỷ hợp đồng được quy định trong Luật Thương mại 2005 bởi lẽ các chế tài này chỉ có thể được áp dụng khi có sự vi phạm cơ bản của hợp đồng và sự vi phạm đó phải diễn ra trên thực tế; trong khi đó, ở đây hoàn toàn chưa có sự vi phạm thực tế mà chỉ là sự dự đoán dựa trên những cơ sở xác đáng. Có thể nói, Luật

Thương mại 2005 cũng đã phần nào công nhận chế định này nhưng quy định còn khá dè dặt bởi lẽ điều khoản đó được quy định chỉ áp dụng đối với trường hợp các bên có thoả thuận về giao hàng, cung ứng dịch vụ từng phần. Cụ thể, Luật Thương mại 2005, Điều 313, Khoản 2 quy định như sau: *"Trường hợp một bên không thực hiện nghĩa vụ đối với một lần giao hàng, cung ứng dịch vụ là cơ sở để bên kia kết luận rằng vi phạm cơ bản sẽ xảy ra đối với những lần giao hàng, cung ứng dịch vụ sau đó thì bên bị vi phạm có quyền tuyên bố huỷ bỏ hợp đồng đối với những lần giao hàng, cung ứng dịch vụ sau đó, với điều kiện là bên đó phải thực hiện quyền này trong thời gian hợp lý".*

Bộ luật Dân sự (BLDS) 2005 với tư cách là bộ luật cơ bản về các giao dịch dân sự và chứa đựng những quy tắc cơ bản để giải quyết các mối quan hệ pháp luật trong từng lĩnh vực của cuộc sống cũng có quy định về Quyền hoãn thực hiện nghĩa vụ dân sự trong hợp đồng song vụ tại Điều 415: "*Bên phải thực hiện nghĩa vụ trước có quyền hoãn thực hiện nghĩa vụ, nếu tài sản của bên kia đã bị giảm sút nghiêm trọng đến mức không thể thực hiện được nghĩa vụ như đã cam kết cho đến khi bên kia có khả năng thực hiện được nghĩa vụ hoặc có người bảo lãnh*". Tuy nhiên, quy định trên của BLDS còn một số điểm hạn chế như sau:

Thứ nhất, Điều 415 chỉ cho phép bên phải thực hiện nghĩa vụ trước được hoãn thực hiện nghĩa vụ nếu tài sản của bên kia bị giảm sút nghiêm trọng đến mức không thể thực hiện được nghĩa vụ như đã cam kết. Tuy nhiên, trên thực tế, nguy cơ không thực hiện hợp đồng có thể xảy ra không chỉ trong trường hợp tài sản bị giảm sút nghiêm trọng. Ví dụ, Công ty A có xưởng đóng thuyền chỉ có một ụ tàu. Công ty A cam kết sẽ đóng một chiếc thuyền cho Công ty B và chậm nhất sẽ giao chiếc thuyền cho Công ty B vào ngày 01 tháng 6 – thời gian tối thiểu để đóng một chiếc thuyền tính từ ngày hai bên đạt được thỏa thuận về việc đóng thuyền – vì Công ty B rất cần chiếc thuyền cho hoạt động kinh doanh của mình trong tháng 6. Sau khi ký hợp đồng được 2 tuần, Công ty B biết được rằng, Công ty A cũng vừa ký hợp đồng đóng một chiếc thuyền cho Công ty C trong cùng khoảng thời gian đó. Nhiều vật tư, linh kiện thiết bị cũng tương tự với mẫu thuyền mà Công ty B đã đặt đóng. Công ty B nghi ngờ về khả năng Công ty A không thể giao được hai chiếc thuyền đúng hạn vì năng lực nhân sự, vốn, nguyên vật liệu và việc chỉ có một ụ tàu của Công ty A không thể đáp ứng được việc đóng hai chiếc thuyền cùng một lúc vào thời điểm đó. Nếu Công ty A cố làm thì cũng không thể bảo đảm chất lượng của chiếc thuyền mà Công ty B đặt mua. Công ty B muốn chấm dứt việc thực hiện hợp đồng trong khi Công ty B đã thực hiện chuyển tiền đặt cọc theo đúng cam kết của hợp đồng.

Thứ hai, theo chúng tôi, Điều 415 BLDS 2005 không cho phép bên phải thực hiện nghĩa vụ trước được hủy hợp đồng và yêu cầu bồi thường thiệt hại vào thời điểm phát hiện ra tài sản của bên kia bị giảm sút nghiêm trọng mà phải đợi cho đến khi hết thời hạn thực hiện hợp đồng vì luật còn tính đến trường hợp bên kia khôi phục được khả năng thực hiện nghĩa vụ hoặc có người bảo lãnh. Điều này đồng nghĩa với việc bên có nguy cơ bị vi phạm sẽ mất chi phí cơ hội cho khoảng thời gian chờ đợi, và sẽ bị thiệt hại nhiều hơn nữa nếu bên kia cuối cùng vẫn không thể khôi phục được khả năng thực hiện hợp đồng hay không có người bảo lãnh.

Nhìn vấn đề một cách khái quát, pháp luật Việt Nam hiện hành chưa có

những quy định chung để điều chỉnh đối với loại vi phạm hợp đồng trước khi đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ. Trong khi đó, một số văn bản pháp lý quốc tế về hợp đồng, pháp luật của một số quốc gia đã có những quy phạm điều chỉnh đối với vấn đề này. Một số quốc gia đã cho phép hoặc có xu hướng cho phép bên có nguy cơ bị vi phạm hợp đồng được quyền huỷ bỏ, đình chỉ hợp đồng khi bên kia không khôi phục được khả năng thực hiện tốt hợp đồng mặc dù hợp đồng đã bị hoãn thực hiện và bên hoãn đã cho bên kia một khoảng thời gian hợp lý để khôi phục khả năng này. Cụ thể, Điều 71 Công ước Viên 1980 quy định, một bên có thể ngừng việc thực hiện nghĩa vụ của mình nếu có dấu hiệu cho thấy rằng sau khi hợp đồng được ký kết, bên kia sẽ không thực hiện một phần chủ yếu những nghĩa vụ của họ. Ngoài ra, Điều 72 Công ước Viên 1980 cho phép một bên tuyên bố huỷ bỏ hợp đồng trước thời hạn nếu bên kia vi phạm chủ yếu hợp đồng:

"1. *Nếu trước ngày quy định cho việc thi hành hợp đồng, mà thấy hiển nhiên rằng một bên sẽ gây ra một vi phạm chủ yếu đến hợp đồng, bên kia có thể tuyên bố hợp đồng bị hủy.*

2. *Nếu có đủ thời giờ, bên nào có ý định tuyên bố hợp đồng bị hủy thì phải gửi một thông báo hợp lý cho bên kia để cho phép họ cung cấp những bảo đảm đầy đủ rằng họ sẽ thực hiện nghĩa vụ của mình.*

3. *Các quy định của khoản trên không áp dụng nếu bên kia đã tuyên bố rằng họ sẽ không thực hiện nghĩa vụ của mình*".

Điều 2-609 Bộ luật Thương mại thống nhất của Hoa Kỳ (UCC) quy định: *"Nếu người mua có cơ sở nghi ngờ người bán sẽ không thực hiện nghĩa vụ hợp đồng của mình thì người mua có quyền yêu cầu người bán bằng văn bản bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ của mình. Nếu trong thời hạn 30 ngày sau khi nhận được yêu cầu có cơ sở của người mua mà người bán không đưa ra bảo đảm thực hiện nghĩa vụ hợp đồng, người mua có quyền hủy hợp đồng trước thời hạn và yêu cầu bồi thường thiệt hại*".

Thật vậy, nếu như tình huống về Công ty A đóng thuyền cho Công ty B ở trên xảy ra và chịu sự chi phối của pháp luật tại các quốc gia đã điều chỉnh vấn đề vi phạm hợp đồng khi chưa đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ, Công ty B sẽ có cách giải quyết khác. Theo đó, với tình huống này, Công ty B có quyền yêu cầu Công ty A đưa ra một biện pháp đảm bảo cần thiết để thực hiện nghĩa vụ. Trường hợp biện pháp đảm bảo không được đáp ứng, Công ty B có quyền huỷ hợp đồng và yêu cầu bồi thường thiệt hại như quy định tại Điều 72 Công ước Viên 1980 hay Điều 2-609 UCC.

Nhìn chung, hậu quả pháp lý cơ bản nhất của loại "Vi phạm hợp đồng khi chưa đến hạn thực hiện nghĩa vụ" là sự công nhận quyền của bên có nguy cơ bị vi phạm huỷ hợp đồng và yêu cầu bên vi phạm bồi thường thiệt hại mà không cần phải đợi đến hết thời hạn thực hiện nghĩa vụ hợp đồng. Thông qua xem xét một tình huống cụ thể liên quan đến vi phạm hợp đồng trước thời hạn, có thể thấy rằng, việc điều chỉnh bằng pháp luật đối với loại vi phạm này là cần thiết bởi lẽ: (i) Sẽ là không hợp lý và không công bằng khi không cho phép một bên huỷ hay đình chỉ hợp đồng khi có cơ sở xác đáng cho rằng bên khi sẽ không thực hiện/không thực hiện đúng hợp đồng; (ii) Việc công nhận và trao cho một bên quyền huỷ hợp đồng trong trường hợp bên kia sẽ vi phạm hợp đồng giúp cho bên có nguy cơ bị vi phạm sớm tìm được đối tác khác nhằm đảm bảo đạt được những gì không đạt được với bên kia, từ đó thiệt hại mà họ bị gánh chịu có

thể được ngặn chặn và hạn chế ở mức tối đa. Điều này thể hiện được sự trung thực, thiện chí của các bên trong giao dịch, đồng thời cũng hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật nói chung: Bằng mọi cách, bên bị vi phạm phải có nghĩa vụ áp dụng các biện pháp hợp lý để hạn chế tổn thất.

Trong cuốn sách "Các biện pháp xử lý việc không thực hiện đúng hợp đồng trong Pháp luật Việt Nam", PGS.TS. Đỗ Văn Đại có viết: "Hợp đồng sinh ra không phải để bị triệt tiêu (vô hiệu, đơn phương chấm dứt hay hủy bỏ) mà là để được thực hiện nhằm đem lại cho các bên lợi ích hợp pháp mà họ mong đợi…". Thật vậy, chúng ta cần hạn chế tối đa việc cho phép huỷ bỏ hay đình chỉ hợp đồng. Song, như đã phân tích, cũng không nên buộc một bên trong hợp đồng phải chờ đợi không có kết quả khi có cơ sở chắc chắn để cho rằng bên kia sẽ vi phạm hợp đồng. Đối với những trường hợp này, pháp luật Việt Nam cũng nên can thiệp và có những quy phạm điều chỉnh, giúp cho các doanh nghiệp Việt Nam chủ động hơn trong việc giao kết và thực hiện hợp đồng. Xa hơn nữa, việc pháp luật Việt Nam điều chỉnh đối với loại vi phạm hợp đồng khi chưa đến hạn thể hiện sự phù hợp, thống nhất giữa các quy định và nguyên tắc cơ bản trong pháp luật hợp đồng, đặc biệt là sự tương thích và hài hoà giữa các hệ thống pháp luật khác nhau trong quá trình tự do hoá thương mại, từ đó giảm thiểu chi phí và tăng hiệu quả trong quá trình giao kết, thực hiện hợp đồng của các bên trong giao dịch. Trong bối cảnh hiện tại, khi pháp luật Việt Nam hiện hành chưa điều chỉnh đối với loại vi phạm hợp đồng chưa đến thời hạn thì các bên trong giao dịch nên đưa những thoả thuận cụ thể liên quan đến vấn đề này vào trong hợp đồng để có cơ sở pháp lý giải quyết tình huống phát sinh./.

Lưu ý: *Tất cả các ý kiến, nhận định và quy định được trích dẫn trong bài viết chỉ mang tính tham khảo nên không được coi đó là ý kiến pháp lý chính thức để vận dụng vào các trường hợp cụ thể. Bên cạnh đó, văn bản pháp luật được dẫn chiếu có thể đã hết hiệu lực hoặc đã được sửa đổi, bổ sung tại thời điểm Quý khách hàng tham khảo bài viết cho các tình huống phát sinh trên thực tế. Do vậy, để có được ý kiến pháp lý cho từng trường hợp một các chính xác nhất, Quý khách hàng vui lòng liên hệ trực tiếp với chúng tôi.*

DANH MỤC VĂN BẢN MỚI BAN HÀNH TỪ NGÀY 14/05/2015 ĐẾN NGÀY 19/05/2015

STT	Tên văn bản	Ngày ban hành
1.	Thông tư 07/2015/TT-BCT của Bộ Công Thương về quy định việc không áp dụng hạn ngạch thuế quan nhập khẩu thuốc lá nguyên liệu có xuất xứ từ các nước ASEAN	12/05/2015
2.	Thông tư 17/2015/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn xây dựng thang lương, bảng lương, phụ cấp lương và chuyển xếp lương đối với người lao động trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Nghị định 49/2013/NĐ-CP ngày 14/05/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về tiền lương	22/04/2015
3.	Quyết định 629/QĐ-LĐTBXH của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội	14/05/2015
4.	Thông tư 72/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định áp dụng chế độ ưu tiên trong việc thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp	12/05/2015
5.	Nghị định 46/2015/NĐ-CP của Chính phủ về việc quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng	12/05/2015
6.	Quyết định 857/QĐ-BTC của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định 1079/QĐ-BTC ngày 20/05/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về áp dụng biện pháp bình ổn giá đối với sản phẩm sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi	12/05/2015
7.	Công văn 3292/VPCP-KTTH của Văn phòng Chính phủ về việc quản lý giá cước vận tải bằng ô tô	11/05/2015
8.	Quyết định 1570/QĐ-BGTVT của Bộ Giao thông Vận tải về việc phê duyệt Phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực giao thông vận tải	06/05/2015
9.	Thông tư 14/2015/TT-BGTVT của Bộ Giao thông Vận tải quy định về việc bồi thường ứng trước không hoàn lại trong vận chuyển hành khách bằng đường hàng không	27/04/2015
10.	Nghị định 47/2015/NĐ-CP của Chính phủ về việc tổ chức và hoạt động thanh tra ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	14/05/2015